

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3 năm 2020

%

	Tháng 3 năm 2020 so với:				Bình quân quý I năm 2020 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc (2014)	Tháng 3 năm 2019	Tháng 12 năm 2019	Tháng 2 năm 2020	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	120,83	104,25	100,45	98,75	105,47
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	125,28	108,95	103,58	99,10	109,31
<i>Trong đó:</i> Lương thực	116,91	102,30	105,72	101,99	100,37
Thực phẩm	125,74	110,73	102,19	98,08	112,23
Ăn uống ngoài gia đình	132,28	109,22	106,57	99,99	108,06
Đồ uống và thuốc lá	111,05	100,13	100,87	100,17	99,70
May mặc, mũ nón và giày dép	131,96	102,19	100,26	100,00	102,61
Nhà ở và vật liệu xây dựng	106,95	103,40	99,77	98,32	105,58
Thiết bị và đồ dùng gia đình	107,79	101,77	100,14	100,09	101,83
Thuốc và dịch vụ y tế	285,72	103,48	100,03	100,00	103,49
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	333,3	103,75	100,00	100,00	103,75
Giao thông	94,09	97,47	91,96	93,98	104,63
Bưu chính viễn thông	100,62	99,93	100,01	100,00	99,88
Giáo dục	112,86	101,83	100,06	100,00	101,81
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	112,77	100,81	100,00	100,00	100,81
Văn hoá, giải trí và du lịch	109,07	98,13	97,45	97,39	99,90
Đồ dùng và dịch vụ khác	117,03	107,30	102,07	100,70	106,77
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	134,68	126,85	111,07	103,84	122,93
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	104,82	95,96	100,27	100,25	95,77